

Số: 08/2025/QĐST-VLĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 8 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH KHU VỰC 16 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Đào Thị Thu Vân.

Thư ký phiên họp: Ông Trần Hồng Sơn - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên họp: bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 90/2025/TLST-VLĐ ngày 23 tháng 7 năm 2025, về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 06/2025/QĐST-VLĐ ngày 29 tháng 7 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1985; địa chỉ: K, thị trấn T, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là K, xã T, tỉnh Nghệ An).

Người đại diện hợp pháp của chị H: Ông Phạm Đình N, sinh năm 1986; địa chỉ: A, khu phố C, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là A, khu phố C, phường B, tỉnh Đồng Nai), là người đại diện theo uỷ quyền, theo giấy uỷ quyền ngày 30/6/2025; có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Đinh Thị T, sinh năm 1990; địa chỉ: Xóm N, xã G, huyện T, tỉnh Nghệ An (nay là Xóm N, xã G, tỉnh Nghệ An); có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2/ Công ty Cổ phần D; địa chỉ: số A, KCN B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là số A, KCN B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh); vắng mặt.

3/ Bảo hiểm xã hội thành phố D; địa chỉ: đường T, Khu T, khu phố N, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là đường T, Khu T, khu phố N, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh);

Người đại diện hợp pháp: Ông Dương Văn T1, sinh năm 1988; địa chỉ: Đường T, Trung tâm hành chính D, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo uỷ quyền, theo văn bản uỷ quyền số 166/UQ-BHXX ngày 30/7/2025. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

- *Tại đơn yêu cầu và quá trình tố tụng bà Ngô Thị H trình bày:* Từ tháng 4/2005 đến tháng 12/2005, bà H có làm việc tại Công ty TNHH D1; địa chỉ: số C, đại lộ Đ, KCN S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương và có đóng bảo hiểm xã hội số: 9105038892. Từ tháng 02/2006 đến tháng 04/2023, bà H có làm việc tại Công ty TNHH H1; địa chỉ: số F, KCN S, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương và có đóng bảo hiểm xã hội số: 9106033840. Nay, bà H liên hệ BHXH để làm thủ tục nhận BHXH thì cơ quan BHXH thông báo cho bà H biết hồ sơ BHXH của bà H bị trùng.

Lý do bị trùng bảo hiểm: Từ tháng 05/2007 đến tháng 03/2009, bà H có cho người em cô cậu tên là Đinh Thị T mượn giấy tờ tùy thân của bà H để tham gia ký kết hợp đồng lao động tại Công ty TNHH D (nay là Công ty Cổ phần D); địa chỉ: số A, KCN B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là số A, KCN B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) và có đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH D (nay là Công ty Cổ phần D).

Nay, bà H yêu cầu Tòa án tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà H (do chị Đinh Thị T mượn thông tin cá nhân) với Công ty TNHH D (nay là Công ty Cổ phần D) là vô hiệu. Đối với hậu quả của hợp đồng vô hiệu thì bà H không yêu cầu giải quyết.

- *Tại bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đinh Thị T trình bày:* chị T là em gái họ của bà Ngô Thị H, vào thời điểm từ tháng 05/2007 đến tháng 03/2009, chị T có mượn giấy tờ tùy thân của bà H để tham gia ký kết hợp đồng lao động tại Công ty TNHH D (nay là Công ty Cổ phần D); địa chỉ: số A, KCN B, phường A, thành phố D, tỉnh Bình Dương (nay là số A, KCN B, phường D, Thành phố Hồ Chí Minh) và có đóng bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH D (nay là Công ty Cổ phần D). Tuy nhiên, trong thời gian này, bà H đang làm việc tại Công ty khác, không có làm việc tại Công ty TNHH D (nay là Công ty Cổ phần D). Nay, bà H liên hệ cơ quan BHXH để làm thủ tục nhận BHXH thì cơ quan BHXH thông báo là hồ sơ BHXH của bà H bị trùng. Vì vậy, bà H mới có đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà H (do chị T mượn thông tin cá nhân) với Công ty TNHH D (nay là Công ty Cổ phần D) là vô hiệu thì chị T đồng ý. Đối với hậu quả của hợp đồng vô hiệu thì chị T không yêu cầu giải quyết.

- *Quá trình tố tụng, Công ty TNHH D (nay là Công ty Cổ phần D) không cung cấp cho Tòa án ý kiến đối với việc yêu cầu của bà Ngô Thị H và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.*

- *Ông Dương Văn T1 là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cơ quan Bảo hiểm xã hội thành phố D – Khu vực XXVII trình bày:*

Qua kiểm tra đối chiếu dữ liệu tham gia bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm y tế (BHYT), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) của Công ty Cổ phần D cho người lao động thì Công ty có tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà Ngô Thị H, sinh năm 1985, số CCCD 040185018972, với mã số BHXH 9107084766, có quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 5/2007 đến tháng 3/2009, đã nhận trợ cấp BHXH một lần. Ngoài ra qua tra cứu dữ liệu, bà Ngô Thị H còn có mã số 9106033840 có quá trình tham gia BHXH từ tháng 02/2006 đến tháng 4/2023 tại Công ty TNHH H1.

Về đề nghị yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu giữa bà Ngô Thị H với Công ty Cổ phần D, thì đề nghị Tòa án căn cứ theo Điều 9, Điều 10, Điều 11 của Nghị định số 145/2020/ND-CP quy định về việc xử hợp đồng lao động vô hiệu để tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu. Về hợp đồng lao động, giấy tờ tùy thân của bà Ngô Thị H, thì Cơ quan BHXH không có lưu trữ những hồ sơ này. Về các yêu cầu khác của bà Ngô

Thị H thì Cơ quan BHXH không có ý kiến.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc lao động và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: Xét thấy, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân Khu vực 16 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: bà H, chị T, Bảo hiểm xã Hội thành phố D – Khu vực XXVII có yêu cầu giải quyết vắng mặt; Công ty Cổ phần D đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên họp nhưng vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Quá trình tố tụng các đương sự thống nhất khai: Người lao động Ngô Thị H, sinh năm 1985, số CCCD 040185018972 với Công ty TNHH D (nay là Công ty Cổ phần D) có ký hợp đồng lao động trong thời gian từ tháng 5/2007 đến tháng 3/2009. Đồng thời, bà H được Công ty Cổ phần D kể trên tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp với mã số bảo hiểm xã hội là 9107084766. Tuy nhiên, bà H và chị T thừa nhận người ký hợp đồng lao động và thực tế làm việc tại Công ty Cổ phần D là chị T chứ không phải bà H. Vì, trong thời gian này, bản thân bà H ký hợp đồng lao động và trực tiếp làm việc tại Công ty TNHH D1 (thời gian từ tháng 4/2005 đến tháng 12/2005) và Công ty TNHH H1 (thời gian từ tháng 02/2006 đến tháng 04/2023). Khi chị T ký hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần D thì chị T không khai rõ thông tin về việc chị T mượn thông tin của bà H để ký hợp đồng lao động nên Công ty Cổ phần D không hề hay biết sự việc này. Lời trình bày của bà H và chị T cũng phù hợp với lời khai của người đại diện hợp pháp của cơ quan Bảo hiểm xã hội và các sổ BHXH. Xét thấy, việc chị T lấy thông tin cá nhân của bà H để giao kết hợp đồng lao động với Công ty Cổ phần D là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động theo quy định tại Điều 9 Bộ luật Lao động năm 1994, sửa đổi bổ sung năm 2006. Do đó, bà Ngô Thị H yêu cầu tuyên vô hiệu hợp đồng lao động ký kết giữa bà Ngô Thị H (do chị Đinh Thị T mượn tên) với Công ty Cổ phần D là có căn cứ theo quy định tại Điều 127, Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005, các đương sự khác cũng thống nhất, không có tranh chấp.

[3] Về hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Các đương sự xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Sau khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, người lao động có quyền liên hệ cơ quan Bảo hiểm xã hội để được giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định.

[4] Về lệ phí: bà Ngô Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5] Ý kiến và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: 15, 16, 49 của Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ vào các Điều: 149, 367, 401, 402 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Ngô Thị H.

Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Ngô Thị H, sinh năm 1985, số CCCD 040185018972 với Công ty TNHH D (nay là Công ty Cổ phần D), có mã số BHXH: 9107084766 vô hiệu.

Các bên có quyền và nghĩa vụ liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện các thủ tục liên quan đến bảo hiểm theo quy định của pháp luật.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: bà Ngô Thị H phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số 0002694 ngày 10/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND KV 16 – Tp. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự Tp. Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Hồ sơ;
- Lưu./.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

(Đã ký)

Đào Thị Thu Vân